TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2024/HC-PT
Ngày: 28/3/2024
V/v: "Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Vũ Thanh Liêm**
Các Thẩm phán: Ông **Phùng Anh Dũng**
Ông **Phạm Văn Hợp**

Thư ký phiên tòa: Bà **Đặng Ngọc Gia Linh** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Bùi Ngô Ý Nhi** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 369/2023/TLPT-HC ngày 28 tháng 11 năm 2023 về việc "*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 83/2023/HC-ST ngày 19/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 394/2024/QĐ-PT ngày 11 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- ***Người khởi kiện:*** Ông Nguyễn Mậu H, sinh năm 1966; địa chỉ: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Bà Trần Thị N, sinh năm 1970; địa chỉ: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

- Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

Địa chỉ: thị trấn Đ, huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Nguyễn Minh C - Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Q, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Hoàng Kim H1 - Phó trưởng phòng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Q, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Anh T - Chủ tịch, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bà Trần Thị N, sinh năm 1970; địa chỉ: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

3. Bà Trần Thị T1, sinh năm 1943; địa chỉ: thôn L, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Công D; địa chỉ: thôn L, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

- Người kháng cáo: Người khởi kiện ông Nguyễn Mậu H do bà Trần Thị N là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các văn bản có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện ông Nguyễn Mậu H*, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án bà* Trần Thị N*, thống nhất trình bày:*

Thửa đất số 190, tờ bản đồ số 01/LN-QH tại thôn L, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam, diện tích đất 3.967m^2 đã được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 774517 ngày 04/10/2010 cho hộ ông Trần Đ và bà Trần Thị T1. Diện tích đất này thuộc một phần diện tích đất vườn của ông, bà nội ông H (vườn của bà H2), khi còn sống bà nội ông H (bà H2) đã xây dựng nhà ở và trồng cây lâu năm trên đất. Năm 1964 bà H2 chết, ngôi nhà trên đất đã sụp đổ do chiến tranh chỉ còn lại nền móng, sân gạch. Sau năm 1975, mẹ ông H là bà Nguyễn Thị L (H3) mặc dù đã chuyển đi nơi khác sinh sống nhưng vẫn quản lý khu vườn, hằng năm vào vườn thu hoạch các loại rau, trái. Vào các năm 2000, 2004 gia đình ông H cũng đã thuê người vào khu vườn này khai thác một cây gỗ mít và vận chuyển gạch về xây dựng nhà. Năm 2013 ông H chuyển công tác đến đơn vị mới xa nhà nên việc quản lí khu vườn bị gián đoạn. Năm 2019, ông H nhận được thông báo từ UBND xã Q về việc di dời mồ mả ông bà tại khu vực Đ để giải tỏa khu đất thuộc dự án công trình đập Hồ Lộc Đ1 nên ông H làm đơn kiến nghị đến Ủy ban nhân dân xã Q với mong muốn chính quyền áp dụng chính sách đền bù cho ông, vì đây là đất vườn và tài sản thừa kế của gia đình ông do ông, bà để lại. Từ đó ông H mới biết được một phần khu vườn của bà H2 diện tích đất 3.967m^2 đã được UBND huyện Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 774517 ngày 04/10/2010 cho hộ ông Trần Đ và bà Trần Thị T1 nên ông đã khiếu nại về quy trình UBND xã Q lập hồ

sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Đ, bà T1. Ngày 24/8/2021, Chủ tịch UBND xã Q đã ban hành Quyết định số 272/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của ông với nội dung không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông. Do đó, bà N tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện Q thì được giải quyết khiếu nại tại Quyết định số 1488/QĐ-UBND ngày 16/11/2021 cũng với nội dung không chấp nhận khiếu nại của ông và khẳng định việc lập hồ sơ giao đất lâm nghiệp cho hộ ông Trần Đ là đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, ông Nguyễn Mậu H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 774517 ngày 04/10/2010 của Ủy ban nhân dân huyện Q đã cấp cho hộ ông Trần Đ và bà Trần Thị T1; hủy Quyết định số 1488/QĐ-UBND ngày 16/11/2021 của Chủ tịch UBND huyện Q về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị N, trú tại thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

Tại Văn bản trình bày ý kiến ngày 28/3/2023, các văn bản có trong hồ sơ vụ án, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện thống nhất trình bày:

Về yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 774517 ngày 04/10/2010 của UBND huyện Q cấp cho hộ ông Trần Đ và bà Nguyễn Thị T2: Phương án giao đất lâm nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân tham gia trồng rừng theo dự án WB3 xã Q được Hội đồng nhân dân xã Q thông qua tại Nghị quyết số 61/2010/NQ-HĐND ngày 26/7/2010 và được UBND huyện Q phê duyệt tại Quyết định số 908/QĐ-UBND ngày 04/8/2010. Theo đó, UBND huyện Q đã phê duyệt phương án giao đất lâm nghiệp cho 70 hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn xã Q, trong đó có hộ ông Đ. Diện tích đất lâm nghiệp giao năm 2010 nằm trong vùng quy hoạch trồng rừng dự án (WB3) do Phân viện điều tra quy hoạch rừng T3 Trung bộ thực hiện. Đối tượng được giao đất sản xuất lâm nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 70 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP của Chính phủ. Trên cơ sở phương án giao đất được phê duyệt, đơn xin giao đất trồng rừng và đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Đ đối với thửa đất số 190, tờ bản đồ số 01/LN-QH tại thôn L, xã Q đã được UBND xã Q xác nhận. Ngày 04/10/2010, UBND huyện Q ban hành Quyết định số 90/QĐ-UBND về việc giao đất trồng rừng theo dự án WB3 cho hộ ông Trần Đ và bà Trần Thị T1, đồng thời cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 774517 cho hộ ông Trần Đ và bà Trần Thị T1 đối với thửa đất số 190, tờ bản đồ số 01/LN-QH, diện tích 3.967m^2. Như vậy, việc UBND huyện Q giao đất trồng rừng, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trần Đ là đúng quy định của pháp luật nên yêu cầu khởi kiện của ông H là không có căn cứ.

Về yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 1488/QĐ-UBND ngày 16/11/2021 của Chủ tịch UBND huyện Q, giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Mậu H và bà Trần Thị Nhĩ . UBND huyện Q nhận được Đơn khiếu nại của bà Trần Thị Nhĩ đ ngày 14/9/2021, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 1256/QĐ-UBND ngày 04/10/2021 về việc thành lập Tổ xác minh nội dung khiếu nại của bà N. Sau thời gian xác minh, thu thập hồ sơ, tài liệu, Tổ xác minh đã Báo cáo về việc xác minh nội dung khiếu nại của bà N. Ngày 08/11/2021,

UBND huyện Q tổ chức đối thoại với ông H, bà N. Ngày 16/11/2021, Chủ tịch UBND huyện Q đã ban hành Quyết định số 1488/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Mậu H và bà Trần Thị N theo đúng quy định nên ông H yêu cầu hủy Quyết định số 1488/QĐ-UBND ngày 16/11/2021 là không có cơ sở.

Tại Văn bản trình bày ý kiến ngày 29/7/2022, các văn bản có trong hồ sơ vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị T1 *và người đại diện theo ủy quyền ông* Trần Công D *trình bày:*

Năm 1981, bà Trần Thị T1 cùng chồng là ông Trần Đ *(đã chết)*, từ xã Q, huyện Q chuyển đến xứ Đ thuộc tổ B, thôn L, xã Q, huyện Q, nơi gần mảnh vườn của cha mẹ bà T1 để khai hoang làm ăn sinh sống tới nay. Năm 2010 có chương trình trồng keo WB3 trồng rừng phủ xanh đồi núi trọc, gia đình bà T1 đã tham gia chương trình WB3 và được cấp quyền sử dụng đất với diện tích 3.967m^2 tại thửa đất số 190 tờ bản đồ số 01/LN-QH hạn sử dụng đến 8/2060. Năm 2019, Nhà nước có chủ trương thu hồi toàn bộ nhà cửa, ruộng đất của gia đình bà T1 để làm công trình hồ thủy lợi. Từ khi bà T1, ông Đ khai hoang sử dụng đất cho đến khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có ai tranh chấp hay khiếu nại gì. Khi Nhà nước có chủ trương thu hồi đất, bồi thường để làm hồ thủy lợi thì ông H, bà N mới khiếu nại cho rằng diện tích đất trồng rừng 3.967m^2 ông Đ, bà T1 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là của gia đình ông H từ thời kỳ trước năm 1975 nhằm mục đích để được bồi thường. Hiện ông H khởi kiện tại Toà án, bà T1 không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông H, đề nghị Toà án giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 83/2023/HC-ST ngày 19/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 3; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115; khoản 3 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính 2015; các Điều 31, 33, 49, 50, 52, 67, 75 Luật Đất dai năm 2003; các Điều 70, 123 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP; Điều 8 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP và Điều 7 Nghị định số 88/2009/NĐ-CP của Chính phủ; Điều 36, 37, 38, 39 và Điều 40 Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Mậu H về việc:

Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 774517 ngày 04/10/2010 của Ủy ban nhân dân huyện Q đã cấp cho hộ ông Trần Đ và bà Trần Thị T1.

Yêu cầu huỷ Quyết định số 1488/QĐ-UBND ngày 16/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Nam về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị N, trú tại thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí; chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và thông báo về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/7/2023, người khởi kiện ông Nguyễn Mậu H do bà Trần Thị N đại diện theo ủy quyền có đơn kháng cáo với nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm

tuyên án không khách quan, đi ngược lại thực tế nên yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Trần Đ, bà Trần Thị T1 và yêu cầu hủy Quyết định số 1488/QĐ-UBND ngày 16.11.2021 của Chủ tịch UBND huyện Q về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị Nhĩ .

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện ông Nguyễn Mậu H do bà Trần Thị N đại diện theo ủy quyền giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Bà Trần Thị N cho rằng, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên án không khách quan, đi ngược lại thực tế nên yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 774517 ngày 04.10.2010 của UBND huyện Q đã cấp cho hộ ông Trần Đ, bà Trần Thị T1 và yêu cầu hủy Quyết định số 1488/QĐ-UBND ngày 16.11.2021 của Chủ tịch UBND huyện Q về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị Nhĩ .

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn xét xử phúc thẩm đảm bảo đúng quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Mậu H do bà Trần Thị N đại diện theo ủy quyền và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

1. Xét kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Mậu H do bà Trần Thị N đại diện theo ủy quyền thì thấy:

- Về nguồn gốc đất đang tranh chấp: Theo lời trình bày của các nhân chứng thì thửa đất số 190 trước năm 1975 khi bà H2 còn sống đã sử dụng diện tích đất này để xây dựng nhà ở. Sau khi bà H2 chết, ngôi nhà sụp đổ hoàn toàn do chiến tranh. Từ sau năm 1975 đến năm 1981 do ông Nguyễn Mậu T4 quản lý, sử dụng. Trong thời gian này bà H3 mẹ ông H có về phát dọn vườn cũ của bà H2 một lần sau đó bỏ luôn, không thấy bà H3 quản lý, sử dụng. Từ khoảng năm 1980 - 1981 vợ chồng ông Trần Đ, bà Trần Thị T1 từ xã Q đến đây tiếp tục phục hóa, sử dụng đất không có ai tranh chấp. Khoảng năm 2004, ông Nguyễn Mậu H có về khu vực này để khai thác 01 cây mít và lấy gạch về sử dụng. Hàng năm, ông H về tu tạo mồ mã và khi về khai thác cây mít, lấy gạch cũng không có ý kiến, phản ánh gì về việc ông Đ, bà T1 sử dụng đất. Theo ông Nguyễn Mậu H trình bày thì thửa đất số 190 có nguồn gốc của ông bà để lại được gọi là vườn bà H2 (bà nội ông H). Trước năm 1975, khi bà H2 còn sống đã sử dụng diện tích đất này để xây dựng nhà ở, trồng cây lâu năm trên đất. Sau khi bà H2 chết vào năm 1964, ngôi nhà trên đất đã bị sụp đổ do chiến tranh, mẹ ông H là bà Nguyễn Thị L (H3) mặc dù đã chuyển đi nơi khác sinh sống nhưng vẫn quản lý khu vườn, hằng năm vào vườn thu hoạch rau, trái. Vào các năm 2000, 2004 gia đình ông H cũng đã thuê người vào vườn này khai thác một cây gỗ mít và vận chuyển gạch về xây dựng nhà. Từ năm 2013, ông H chuyển công tác xa nhà nên việc quản lý khu vườn bị gián đoạn. Ông H thừa nhận từ trước đến nay không có đăng ký, kê khai diện tích đất nói trên.

Theo kết quả xác minh tại UBND xã Q, huyện Q thì trên địa bàn xã Q không thực hiện việc kê khai, đăng ký ruộng đất theo chỉ thị 299/TTg ngày 10 tháng 11 năm 1980 của Thủ tướng Chính phủ. Căn cứ sổ mục kê, bản đồ địa chính được lập theo Nghị định 64/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 1993 của Chính phủ thì thửa đất số 190 thuộc tờ bản đồ số 14 liền kề với thửa đất số 887 của ông Trần Đ đăng ký, không có số thửa, trên bản đồ chỉ thể hiện "Núi" do Nhà nước quản lý, không có người kê khai, đăng ký.

Như vậy, mặc dầu thửa đất số 190 có nguồn gốc trước năm 1975 khi còn sống bà H2 (bà nội ông H) là người sử dụng. Từ năm 1981 cho đến nay, vợ chồng ông Trần Đ, bà Trần Thị T1 sử dụng ổn định. Năm 2010, UBND xã Q, huyện Q lập phương án giao đất cho hộ gia đình, cá nhân tham gia trồng rừng theo dự án WB3 đã được UBND huyện Q phê duyệt tại Quyết định số 908/QĐ-UBND ngày 04/8/2010. Trên cơ sở đơn xin giao đất rừng và đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình ông Trần Đ, bà Trần Thị T1. Ngày 04/10/2010, UBND huyện Q ban hành Quyết định số 90/QĐ-UBND về việc giao đất trồng rừng theo dự án WB3 cho hộ ông Trần Đ, bà Trần Thị T1; đồng thời cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 774517 cho hộ ông Trần Đ, bà Trần Thị T1 với thửa đất số 190, tờ bản đồ số 01/LN-QH, diện tích 3.967m^2, mục đích sử dụng trồng rừng sản xuất, thời hạn sử dụng đến tháng 8 năm 2060. Hiện nay trên đất hộ ông Trần Đ, bà Trần Thị T1 đã trồng cây lâm nghiệp.

Từ những chứng cứ đã được phân tích trên cho thấy, bản án sơ thẩm tuyên xử bác toàn bộ đơn khởi kiện của ông Nguyễn Mậu H về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện Q cấp cho hộ ông Trần Đ, bà Trần Thị T1, hủy Quyết định số 1488/QĐ-UBND ngày 16/11/2021 của Chủ tịch UBND huyện Q về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị N là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật nên bác kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Mậu H do bà Trần Thị N đại diện theo ủy quyền và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

2. Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên người khởi kiện ông Nguyễn Mậu H phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

3. Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính.

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Mậu H do bà Trần Thị N đại diện theo ủy quyền và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 3, khoản 4 Điều 32, khoản 1 Điều 115, khoản 3 Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính; các Điều 31, 33, 49, 50, 52, 67, 75 Luật Đất đai năm 2003; các Điều 70, 123 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ; Điều 7 Nghị định số

88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ; các Điều 36, 37, 38, 39, 40 Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Bác toàn bộ đơn khởi kiện của ông Nguyễn Mậu H về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 774517 ngày 04/10/2010 của Ủy ban nhân dân huyện Q đã cấp cho hộ ông Trần Đ, bà Trần Thị T1 và hủy Quyết định số 1488/QĐ-UBND ngày 16/11/2021 của Chủ tịch UBND huyện Q, tỉnh Quảng Nam về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị N, trú tại thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

2. Về án phí: Người khởi kiện ông Nguyễn Mậu H phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được trừ 300.000 đồng ông Nguyễn Mậu H đã nộp tại biên lai thu tiền số 0000504 ngày 03/8/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về phần án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THA dân sự tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Vũ Thanh Liêm